

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7079~~ /UBND-NNTN  
V/v bổ sung các vị trí vào  
bản đồ Kế hoạch sử dụng  
đất năm 2018 của thành phố  
Quảng Ngãi đối với các  
thửa đất chuyển mục đích  
sử dụng đất phải xin phép  
của hộ gia đình, cá nhân

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 12 năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 11.850.....
	Ngày: 27/12/18
	Chuyên: .....

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại các Công văn số 7305/UBND ngày 05/12/2018 và số 5710/UBND ngày 24/9/2018 về việc bổ sung các vị trí vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Quảng Ngãi đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6149/STNMT-QLĐĐ ngày 24/12/2018, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thông nhất bổ sung các vị trí vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Quảng Ngãi đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân, cụ thể như sau:

Tổng số 26 vị trí, diện tích 5.097,1m<sup>2</sup>, loại đất BHK; trong đó:

- Phường Trương Quang Trọng: Có 02 vị trí, diện tích 135 m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Xã Nghĩa Hà: Có 01 vị trí, diện tích 800m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Phường Nghĩa Chánh: Có 02 vị trí, diện tích 274,6m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Phường Lê Hồng Phong: Có 02 vị trí, diện tích 200,1m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Phường Quảng Phú: Có 05 vị trí, diện tích 1.500,5m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Xã Nghĩa Đông: Có 02 vị trí, diện tích 281,2m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Phường Nghĩa Lộ: Có 10 vị trí, diện tích 1.708,1m<sup>2</sup>, loại đất BHK.
- Phường Trần Phú: Có 02 vị trí, diện tích 197,6m<sup>2</sup>, loại đất BHK.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. UBND thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm cập nhật các vị trí thửa đất nêu trên vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Quảng Ngãi; chịu trách nhiệm trong việc phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất ở được UBND tỉnh phân khai, chỉ tiêu số đã được

UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 và thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

3. Các vị trí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo gắn kết với hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất tập trung đối với các dự án của tỉnh, của thành phố.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và hướng dẫn UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện đúng quy định.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CNXD, CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TN(tmh966).

KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
**CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH**  
**SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

Theo Công văn số 7879 /UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh)

**Phường Trương Quang Trọng**

1. Thửa đất số 470, diện tích 226,5m<sup>2</sup> (diện tích cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 47,6m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 38 - đo đạc năm 2016, Phường Trương Quang Trọng. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1674604.72	586223.86	Bản đồ VLAP đo năm 2016
2	1674605.75	586231.69	
3	1674572.41	586232.95	
4	1674572.62	586231.09	
5	1674571.35	586228.97	
6	1674571.51	586227.52	
7	1674571.59	586227.28	

2. Thửa đất số 472, diện tích 397,6m<sup>2</sup> (diện tích cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 87,4m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 38 - đo đạc năm 2016, Phường Trương Quang Trọng. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1674610.03	586247.44	Bản đồ VLAP đo năm 2016
2	1674570.50	586252.17	
3	1674571.68	586239.97	
4	1674594.03	586239.04	
5	1674605.15	586238.84	
6	1674606.77	586239.30	
7	1674608.48	586241.18	
1	1674610.03	586247.44	

**II. Xã Nghĩa Hà**

1. Thửa đất số 694, diện tích 1.268,5m<sup>2</sup> (trong đó diện tích đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 800m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 20 - đo đạc năm

2011, xã Nghĩa Hà. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1670432.66	591110.39	Bản đồ VLAP đo năm 2011
2	1670433.39	591088.76	
3	1670433.64	591087.01	
4	1670447.04	591087.88	
5	1670454.94	591087.81	
6	1670463.59	591089.28	
7	1670471.66	591091.03	
8	1670482.15	591092.16	
9	1670486.27	591092.65	
10	1670487.41	591096.68	
11	1670487.71	591105.68	
12	1670487.74	591116.42	
1	1670432.66	591110.39	
13	1670443.26	591097.49	
14	1670443.94	591092.34	
15	1670436.95	591091.40	
16	1670436.47	591098.06	
13	1670443.26	591097.49	

### III. Phường Nghĩa Chánh

1. Thửa đất số 246, diện tích 215 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37 (đo đạc năm 2016), phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi (*diện tích phù hợp quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất 184 m<sup>2</sup>*). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672169.34	587139.07	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 246, tờ bản đồ số 37 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Chánh
2	1672164.34	587158.54	
3	1672159.18	587160.09	
4	1672164.68	587138.40	

2. Thửa đất số 328, diện tích 181,3 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 42 (đo đạc năm 2016), phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi (*diện tích phù hợp quy*

hoạch chuyển mục đích sử dụng đất 90,6 m<sup>2</sup>). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671880.96	587172.58	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 328, tờ bản đồ số 42 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Chánh
2	1671880.52	587197.89	
3	1671873.92	587200.23	
4	1671873.95	587172.15	

#### IV. Phường Lê Hồng Phong

1. Thửa đất số 177, diện tích 100 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 44, Phường Lê Hồng Phong. Vị trí thửa đất có giới cận và được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673184.83	585499.39	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 177, tờ bản đồ số 44, Phường Lê Hồng Phong
2	1673189.67	585501.00	
3	1673183.73	585519.38	
4	1673178.72	585518.18	

2. Thửa đất số 175, diện tích 100,1 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 44, Phường Lê Hồng Phong. Vị trí thửa đất có giới cận và được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673194.56	585502.63	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 175, tờ bản đồ số 44, Phường Lê Hồng Phong
2	1673199.86	585504.39	
3	1673193.94	585521.84	
4	1673188.92	585520.63	

#### V. Phường Quảng Phú

1. Thửa đất số 346, diện tích 1.099,6 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 600 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 35, phường Quảng Phú. Vị trí thửa đất có giới cận và được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1670954.12	584261.47	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 346, tờ bản đồ số 35, phường Quảng Phú
2	1670959.91	584291.93	
3	1670944.17	584294.83	
4	1670944.99	584298.75	
5	1670942.88	584299.25	
6	1670935.06	584301.15	
7	1670933.70	584298.44	
8	1670929.09	584300.46	
9	1670928.22	584300.84	
10	1670919.70	584268.92	

2. Thửa đất số 261, diện tích 1.355,4 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 500 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 6, phường Quảng Phú. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671554.31	581804.77	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 261, tờ bản đồ số 6, phường Quảng Phú
2	1671558.31	581805.03	
3	1671563.30	581805.35	
4	1671568.29	581805.67	
5	1671573.28	581805.94	
6	1671578.27	581806.22	
7	1671581.70	581806.41	
8	1671574.54	581846.71	
9	1671561.66	581847.31	
10	1671560.43	581842.46	
11	1671539.95	581843.42	
12	1671535.10	581824.32	
13	1671534.00	581819.36	
14	1671554.95	581820.77	
15	1671554.36	58184.77	

3. Thửa đất số 671, diện tích 300 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 100 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 7, phường Quảng Phú. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671643.37	581975.01	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 671, tờ bản đồ số 7, phường Quảng Phú
2	1671639.70	582004.87	
3	1671629.93	582002.68	
4	1671633.59	581972.90	

4. Thửa đất số 202, diện tích 644,6 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 200 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 30, phường Quảng Phú. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671089.29	584279.90	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 202, tờ bản đồ số 30, phường Quảng Phú
2	1671096.70	584309.63	
3	1671081.69	584313.06	
4	1671076.22	584314.28	
5	1671068.80	584284.48	
6	1671073.36	584283.46	

5. Thửa đất số 247, diện tích 100,50 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6 (theo bản đồ đo vẽ năm 1993 là thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 04), phường Quảng Phú. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671560.43	581842.46	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 247, tờ bản đồ số 6, phường Quảng Phú
2	1671561.66	581847.31	
3	1671541.18	581848.27	
4	1671539.95	581843.42	

## VI. Xã Nghĩa Đông

1. Thửa đất số 120, diện tích 281,2m<sup>2</sup> (diện tích cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 181,2m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 09 - đo đạc năm 2016, xã Nghĩa Đông. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1670886.22	588456.80	Bản đồ VLAP đo năm 2016
2	1670892.07	588458.76	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
3	1670887.86	588482.02	
4	1670873.66	588478.88	
5	1670874.71	588476.20	
6	1670876.16	588469.59	
7	1670883.33	588459.81	

2. Thửa đất số 40, diện tích 336,8 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 22 (đo đạc năm 2016), xã Nghĩa Đồng, thành phố Quảng Ngãi (*diện tích phù hợp quy hoạch, xin chuyển mục đích sử dụng đất khoảng 100m<sup>2</sup>*). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672470.73	589405.60	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 40, tờ bản đồ số 22 (đo vẽ năm 2016), xã Nghĩa Đồng
2	1672473.59	589416.41	
3	1672476.20	589423.10	
4	1672475.78	589423.56	
5	1672475.83	589424.07	
6	1672471.33	589425.12	
7	1672464.80	589426.17	
8	1672460.43	589426.91	
9	1672455.35	589427.77	
10	1672455.96	589422.66	
11	1672456.35	589419.32	
12	1672456.85	589415.43	
13	1672458.01	589406.48	

## VII. Phường Nghĩa Lộ

1. Thửa đất số 192, diện tích 1.910,8 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi (*trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 200m<sup>2</sup>*). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671011.98	584386.84	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số
2	1671023.50	584433.95	



Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
3	1671014.71	584437.26	192, tờ bản đồ số 1, phường Nghĩa Lộ
4	1671003.94	584442.99	
5	1670996.03	584445.47	
6	1670988.57	584448.34	
7	1670984.55	584433.95	
8	1670981.50	584417.74	
9	1670975.65	584396.68	

2. Thửa đất số 237, diện tích 435,6 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 300m<sup>2</sup>). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671016.72	584352.86	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 237, tờ bản đồ số 1, phường Nghĩa Lộ
2	1671023.59	584380.29	
3	1671021.20	584381.01	
4	1671016.40	584382.52	
5	1671011.27	584383.92	
6	1671009.18	584384.49	
7	1671009.18	584355.73	
8	1671010.79	584353.97	
9	1671015.95	584353.00	

3. Thửa đất số 52, diện tích 204 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 82,9 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 54, phường Nghĩa Lộ. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1670900.87	585015.44	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 52, tờ bản đồ số 54, phường Nghĩa Lộ
2	1670899.48	585020.72	
3	1670894.38	585040.06	
4	1670892.32	585047.89	
5	1670886.68	585046.61	
6	1670887.98	585041.12	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
7	1670888.62	585038.54	
8	1670893.45	585019.13	
9	1670894.73	585013.99	

4. Thửa đất số 164, diện tích 125,2 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 27, phường Nghĩa Lộ. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671816.59	584637.99	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 164, tờ bản đồ số 27, phường Nghĩa Lộ
2	1671809.76	584638.46	
3	1671808.89	584620.11	
4	1671815.72	584619.80	

5. Thửa đất số 217, diện tích 225,4 m<sup>2</sup>, (được tách từ thửa đất số 113), tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 701/TTQH-QLĐT ngày 29/12/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671081.49	584390.26	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 217, tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ
2	1671086.22	584411.36	
3	1671081.08	584411.87	
4	1671076.84	584412.05	
5	1671069.57	584387.06	
6	1671071.80	584386.82	
7	1671072.88	584390.45	
8	1671077.01	584390.91	

6. Thửa đất số 218, diện tích 129,6 m<sup>2</sup>, (được tách từ thửa đất số 113), tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 701/TTQH-QLĐT ngày 29/12/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671069.57	584387.06	Tọa độ vị trí thửa đất

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
2	1671076.84	584412.05	được trích từ thửa số 218, tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ
3	1671073.75	584412.19	
4	1671071.80	584412.61	
5	1671064.52	584387.61	

7. Thửa đất số 219, diện tích 130,7 m<sup>2</sup>, (được tách từ thửa đất số 113), tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 701/TTQH-QLĐT ngày 29/12/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671064.52	584387.61	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 219, tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ
2	1671071.80	584412.61	
3	1671068.75	584413.26	
4	1671066.96	584413.87	
5	1671059.62	584388.67	
6	1671063.12	584387.76	

8. Thửa đất số 220, diện tích 131,9 m<sup>2</sup>, (được tách từ thửa đất số 113), tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 701/TTQH-QLĐT ngày 29/12/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671059.62	584388.67	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 220, tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ
2	1671066.96	584413.87	
3	1671062.22	584415.47	
4	1671054.84	584390.14	
5	1671056.42	584389.51	

9. Thửa đất số 221, diện tích 182,4 m<sup>2</sup>, (được tách từ thửa đất số 113), tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 701/TTQH-QLĐT ngày 29/12/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671054.84	584390.14	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 221, tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ
2	1671062.22	584415.47	
3	1671055.58	584417.72	
4	1671048.49	584393.36	
5	1671051.23	584391.58	

10. Thửa đất số 166, diện tích 307,7 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 27 (đo đạc năm 2016), phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi (*diện tích phù hợp với quy hoạch, xin chuyển mục đích sử dụng đất 200 m<sup>2</sup>*). Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671806.52	584654.41	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 166, tờ bản đồ số 27 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671803.33	584654.51	
3	1671798.34	584654.67	
4	1671797.53	584654.69	
5	1671795.83	584634.95	
6	1671794.70	584620.75	
7	1671803.69	584620.34	

### VIII. Phường Trần Phú

1. Thửa đất số 74, diện tích 258,9 m<sup>2</sup> (*trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 124,3 m<sup>2</sup>*), tờ bản đồ số 20, Phường Trần Phú. Vị trí thửa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673048.67	584921.89	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 74, tờ bản đồ số 20, Phường Trần Phú
2	1673048.15	584932.03	
3	1673045.88	584931.83	
4	1673029.09	584930.35	
5	1673023.06	584929.82	
6	1673022.71	584929.79	
7	1673023.28	584919.65	
8	1673023.53	584919.67	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
9	1673029.66	584920.22	
10	1673046.52	584921.70	

2. Thừa đất số 274, diện tích 143 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất 73,3 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 24, Phường Trần Phú. Vị trí thừa đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672752.48	583874.95	Tọa độ vị trí thừa đất được trích từ thửa số 274, tờ bản đồ số 24, Phường Trần Phú
2	1672779.68	583878.75	
3	1672777.52	583883.98	
4	1672750.95	583879.82	

./.